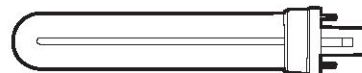
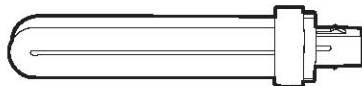
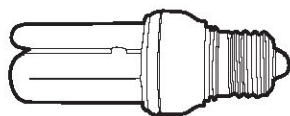
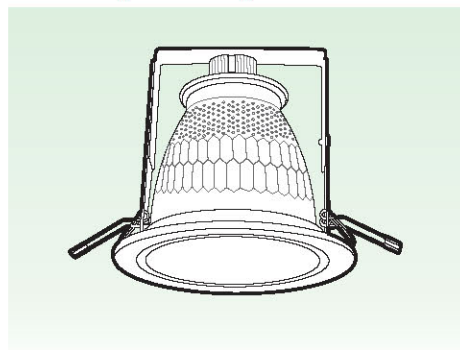


BÓNG COMPACT
COMPACT FLUORESCENT LAMP


Mã số Model	Đơn giá (VNĐ) Unit price	Mã số Model	Đơn giá (VNĐ) Unit price	Mã số Model	Đơn giá (VNĐ) Unit price
XEU 23 - 9X 6400K E27	64.800	T2U-10W 6400K	68.500	T1U-9W 6400K	33.600
XEU 23 - 9X 2700K E27	64.800	T2U-10W 2700K	68.500	T1U-9W 2700K	33.600
XEU 23 - 11X 6400K E27	88.200	T2U-13W 6400K	68.500	T1U-11W 6400K	36.000
XEU 23 - 11X 2700K E27	88.200	T2U-13W 2700K	68.500	T1U-11W 2700K	36.000
XEU 23 - 15X 6400K E27	93.600	T2U-18W 6400K	70.200		
XEU 23 - 15X 2700K E27	93.600	T2U-18W 2700K	70.200		
XEU 38 - 18W 6400K E27	104.500	T2U-26W 6400K	70.200		
XEU 38 - 18W 2700K E27	104.500	T2U-26W 2700K	70.200		
XEU 38 - 20W 6400K E27	104.500				
XEU 38 - 20W 2700K E27	104.500				

ĐÈN DOWNLIGHT - DOWNLIGHTS

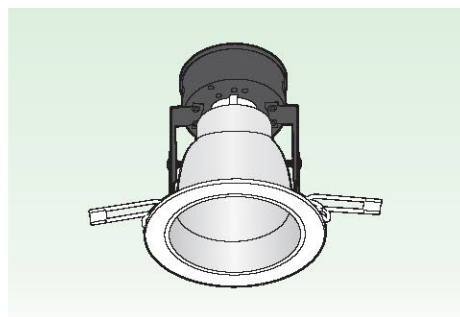
Đèn Downlight - Downlights



Mã số Model	Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (ø ... mm)	Kiểu đui Lamp holder	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
JY20251	2½"	ø 70mm	E27	84.000
JY20301	3"	ø 80mm	E27	91.600
JY20351	3½"	ø 90mm	E27	91.600
JY20401	4"	ø 110mm	E27	102.000
JY20501	5"	ø 135mm	E27	117.000
JY20601	6"	ø 155mm	E27	174.000
JY20801	8"	ø 210mm	E27	285.500
JY20901	9"	ø 240mm	E27	355.200

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

Đèn Downlight có hộp nối dây - Downlight with adaptable box

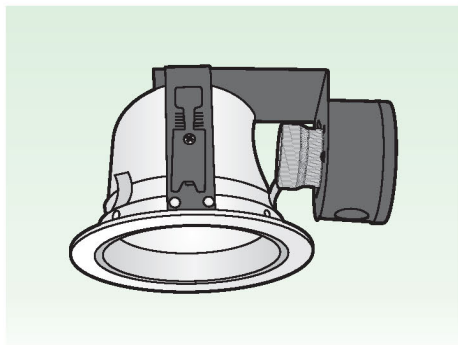


Mã số Model	Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (ø ... mm)	Kiểu đui Lamp holder	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
LS20251	2½"	ø 70mm	E27	84.000
LS20301	3"	ø 80mm	E27	91.600
LS20351	3½"	ø 90mm	E27	91.600
LS20401	4"	ø 110mm	E27	102.000
LS20501	5"	ø 140mm	E27	117.000
LS20601	6"	ø 155mm	E27	174.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

ĐÈN DOWNLIGHT LOẠI NGANG - HORIZONTAL TYPE DOWNLIGHT

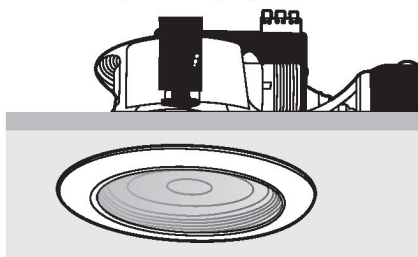
Đèn Downlight loại ngang có hộp nối dây - Horizontal downlight with adaptable box



Mã số Model	Chủng loại Type	Kiểu đui Lamp holder	Lỗ khoét trần (Ø ... mm)	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
J6J/401P	4"	E27	Ø 110mm	206.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

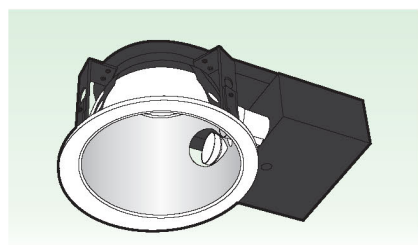
Đèn Downlight loại ngang - nhôm đúc, có kính - Horizontal downlight with glass cover



Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (Ø ... mm)	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
TY01	Ø 155mm	480.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm đui và bóng

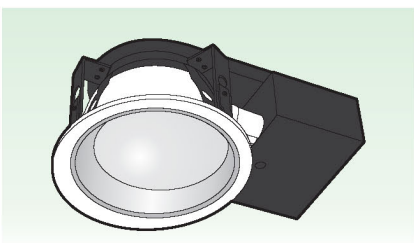
Đèn Downlight loại ngang - vỏ thép, không kính - Horizontal downlight - steel frame



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cut-out	Đui đèn Lamp holder	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HS30601	Ø 160	E27	206.000
HS30801	Ø 200	E27	371.000
HS31601	Ø 160	E27	216.000
HS31801	Ø 205	E27	381.000

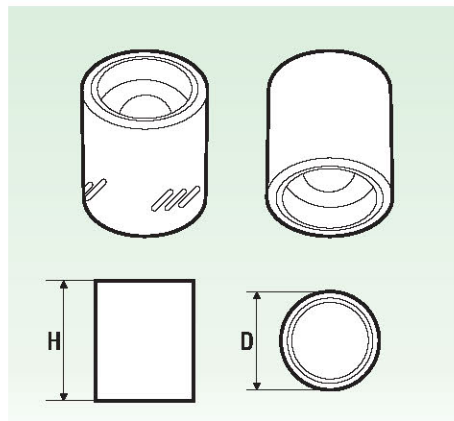
Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

Đèn Downlight loại ngang - vỏ thép, có kính - Horizontal downlight - steel frame with glass cover



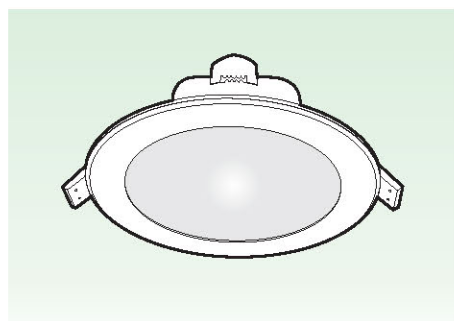
Mã số Model	Lỗ khoét trần Cut-out	Đui đèn Lamp holder	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HS30402	Ø 117	E27	249.000
HS30502	Ø 155	E27	284.000
HS30602	Ø 167	E27	340.000
HS30802	Ø 215	E27	412.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

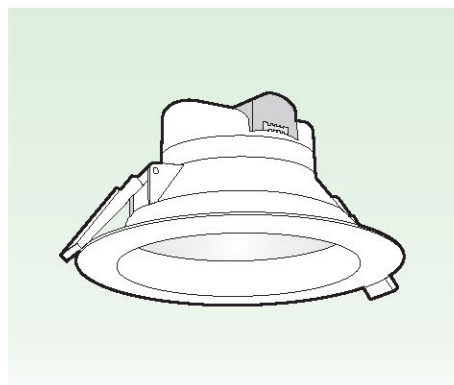
Đèn Downlight gắn nổi - Surface Type Downlights


Mã số Model	Chủng loại Type	Kiểu đui Lamp holder	Kích thước (mm)		Đơn giá (VNĐ) Unit Price
			H	D	
LM20351	3.5"	E27	128	110	164.000
LM20401	4"	E27	151	133	206.000
LM20501	5"	E27	176	169	288.000

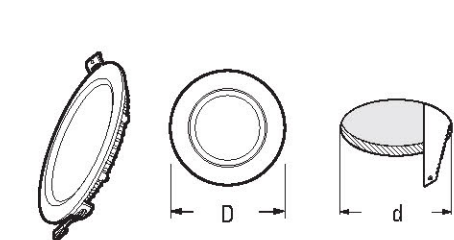
Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

Đèn Downlight LED chiếu sâu - LED Downlights spot light


Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính Diameter	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
DL2.5/6L	6W	2.5"	AST/ASV	220.000
DL2.5/8L	8W	2.5"	AST/ASV	250.000
DL3.5/10L	10W	3.5"	AST/ASV	275.000
DL3.5/12L	12W	3.5"	AST/ASV	300.000
DL4/12L	12W	4"	AST/ASV	330.000
DL4/14L	14W	4"	AST/ASV	360.000
DL5/14L	14W	5"	AST/ASV	400.000
DL5/18L	18W	5"	AST/ASV	450.000

Đèn Downlight LED chiếu sâu loại mặt lõm - LED Downlight concave flat cover - spot light


Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính Diameter	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
DL2.5R/6L	6W	2.5"	AST/ASV	253.000
DL2.5R/8L	8W	2.5"	AST/ASV	288.000
DL3.5R/10L	10W	3.5"	AST/ASV	318.000
DL3.5R/12L	12W	3.5"	AST/ASV	345.000
DL4R/12L	12W	4"	AST/ASV	380.000
DL4R/14L	14W	4"	AST/ASV	414.000
DL5R/14L	14W	5"	AST/ASV	518.000
DL5R/18L	18W	5"	AST/ASV	560.000
DL6R/20L	20W	6"	AST/ASV	680.000
DL6R/25L	25W	6"	AST/ASV	820.000

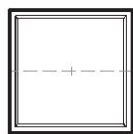
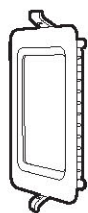
Đèn Downlight LED - Panel tròn - Round LED Downlights - Panel


Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (r)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
LY301/5W	5W	Ø95	Ø90	AST/ASV	108.000
LY301/7W	7W	Ø120	Ø110	AST/ASV	147.000
LY301/9W	9W	Ø145	Ø125	AST/ASV	168.000
LY301/12W/S	12W	Ø145	Ø125	AST/ASV	178.000
LY301/12W	12W	Ø170	Ø150	AST/ASV	200.000
LY301/15W	15W	Ø190	Ø160	AST/ASV	268.000
LY301/18W	18W	Ø225	Ø200	AST/ASV	320.000

Để đặt màu ánh sáng đèn thêm đuôi vào mã đặt hàng như sau:

Ánh sáng trắng = **AST**; Ánh sáng vàng = **ASV**. Ví dụ: **DL5R/14L/ASV**

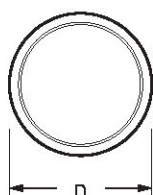
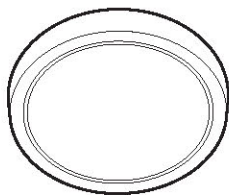
Đèn Downlight LED - Panel vuông - Square LED Downlights - Panel



90 to
195 mm

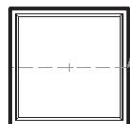
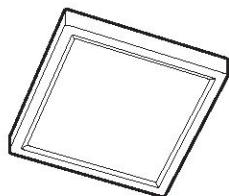
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size	Lỗ cắt Cutout	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
LF201/5W	5W	100 x 100	90 x 90	AST/ASV	128.000
LF201/8W	8W	120 x 120	108 x 108	AST/ASV	165.000
LF201/12W	12W	150 x 150	130 x 130	AST/ASV	210.000
LF201/16W	16W	180 x 180	160 x 160	AST/ASV	268.000
LF201/20W	20W	217 x 217	195 x 195	AST/ASV	320.000

Đèn Downlight LED - Panel gắn nổi tròn - Round LED Downlights - Panel surface type



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
OT/7/T120	7W	Ø120	AST/ASV	200.000
OT/12/T170	12W	Ø170	AST/ASV	260.000
OT/18/T220	18W	Ø220	AST/ASV	350.000
OT/24/T300	24W	Ø300	AST/ASV	438.000

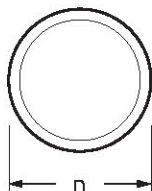
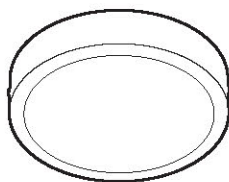
Đèn Downlight LED - Panel gắn nổi vuông - Square LED Downlights - Panel surface type



120 to
300 mm

Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
OT/12/V120	12W	120 x 120	AST/ASV	260.000
OT/18/V220	18W	220 x 220	AST/ASV	350.000
OT/24/V300	24W	300 x 300	AST/ASV	438.000

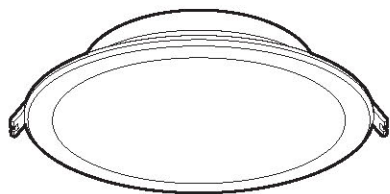
Đèn Downlight LED gắn nổi - Mezon-S - LED Downlights surface type - Mezon-S



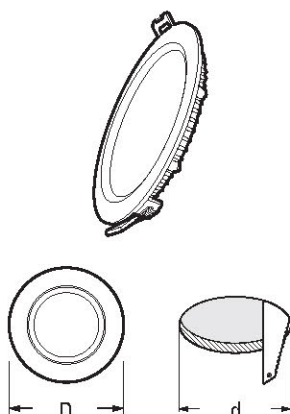
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
MZS150/11	11W	Ø150	AST/ASV	228.000
MZS175/15	15W	Ø175	AST/ASV	285.000
MZS200/18	18W	Ø200	AST/ASV	340.000
MZS225/23	23W	Ø225	AST/ASV	389.000

Để đặt màu ánh sáng đèn thêm đuôi vào mã đặt hàng như sau:

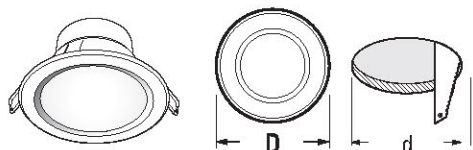
Ánh sáng trắng = **AST**; Ánh sáng vàng = **ASV**. Ví dụ: **MZS225/23/ASV**

Đèn Downlight LED gắn trần - Mezon-R - LED Downlights - Mezon-R


Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (d)	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
MZR90/5	5W	Ø125	Ø90	AST/ASV	115.000	AS3M	138.000
MZR90/7	7W	Ø125	Ø90	AST/ASV	138.000	AS3M	166.000
MZR110/7	7W	Ø130	Ø110	AST/ASV	152.000	AS3M	182.000
MZR110/9	9W	Ø130	Ø110	AST/ASV	162.000	AS3M	194.000
MZR125/9	9W	Ø155	Ø125	AST/ASV	172.000	AS3M	206.000
MZR125/11	11W	Ø155	Ø125	AST/ASV	182.000	AS3M	218.000
MZR160/11	11W	Ø180	Ø160	AST/ASV	192.000	AS3M	230.000
MZR160/13	13W	Ø180	Ø160	AST/ASV	205.000	AS3M	246.000
MZR160/15	15W	Ø180	Ø160	AST/ASV	225.000	AS3M	270.000
MZR180/15	15W	Ø205	Ø180	AST/ASV	238.000	AS3M	286.000
MZR180/18	18W	Ø205	Ø180	AST/ASV	265.000	AS3M	318.000
MZR200/18	18W	Ø230	Ø200	AST/ASV	288.000	AS3M	346.000
MZR200/23	23W	Ø230	Ø200	AST/ASV	332.000	AS3M	398.000

Đèn Downlight LED - Panel tròn - Round LED Downlights - Panel


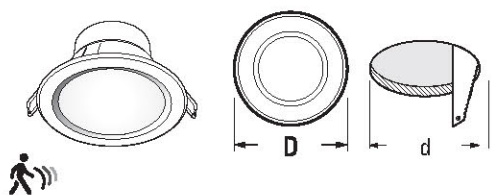
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (d)	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
NT/90/6	6W	Ø103	Ø90	AST/ASV	90.000	AS3M	108.000
NT/90/7	7W	Ø103	Ø90	AST/ASV	105.000	AS3M	126.000
NT/90/8	8W	Ø103	Ø90	AST/ASV	125.000	AS3M	150.000
NT/110/9	9W	Ø126	Ø110	AST/ASV	145.000	AS3M	174.000
NT/110/10	10W	Ø126	Ø110	AST/ASV	155.000	AS3M	186.000
NT/110/12	12W	Ø126	Ø110	AST/ASV	165.000	AS3M	198.000
NT/125/12	12W	Ø141	Ø125	AST/ASV	175.000		
NT/140/12	12W	Ø158	Ø140	AST/ASV	180.000		
NT/140/15	15W	Ø158	Ø140	AST/ASV	190.000		
NT/160/15	15W	Ø180	Ø160	AST/ASV	200.000		
NT/160/18	18W	Ø180	Ø160	AST/ASV	215.000		
NT/200/18	18W	Ø226	Ø200	AST/ASV	230.000		
NT/200/20	20W	Ø226	Ø200	AST/ASV	250.000		

Đèn Downlight LED thân nhựa / nhôm - Absolute - LED Downlights plastic / aluminium casing - Absolute


Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (d)	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABL/90/5	5W	Ø108	Ø90	AST/ASV	115.000	AS3M	150.000
ABL/110/6.5	6.5W	Ø129	Ø110	AST/ASV	140.000	AS3M	176.000
ABL/110/7	7W	Ø129	Ø110	AST/ASV	143.000	AS3M	182.000
ABL/110/8	8W	Ø129	Ø110	AST/ASV	148.000	AS3M	192.000
ABL/125/8	8W	Ø144	Ø125	AST/ASV	154.000	AS3M	200.000
ABL/125/9	9W	Ø144	Ø125	AST/ASV	160.000	AS3M	213.000
ABL/125/10	10W	Ø144	Ø125	AST/ASV	165.000	AS3M	220.000

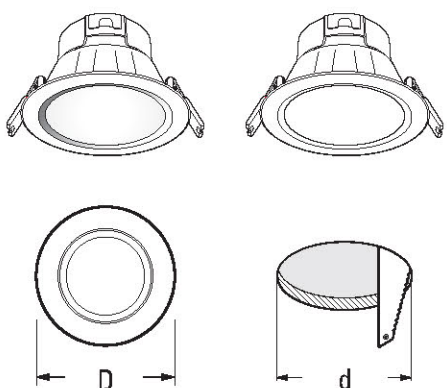
Để đặt màu ánh sáng đèn thêm đuôi vào mã đặt hàng như sau:

Ánh sáng trắng = **AST**; Ánh sáng vàng = **ASV**; Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**. Ví dụ: **ABL/144/10/AST**

Đèn Downlight LED thân nhựa / nhôm cảm biến - Absolute - Motion sensor LED downlights plastic / aluminium casing - Absolute


Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (d)	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABS/90/4	4W	Ø108	Ø90	AST	165.000
ABS/110/7	7W	Ø129	Ø110	AST	193.000
ABS/125/9	9W	Ø144	Ø125	AST	310.000
ABS/125/5/EM ^(*)	5W	Ø144	Ø125	AST	560.000

(*) Đèn cảm biến tích hợp đèn sự cố

Đèn Downlight LED thân nhôm - Absolute-S - LED Downlights aluminium casing - Absolute-S


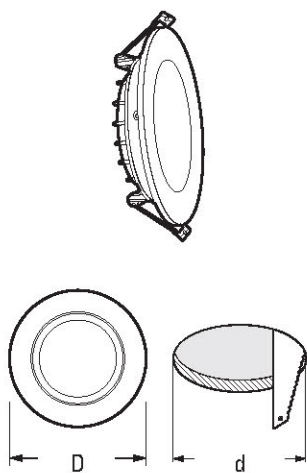
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (d)	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
----------------	---------------------	------------------------	----------------------	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------

Đèn thân nhôm có viền nhũ bạc - Lamp aluminium casing with silver ring

ASA/90/5	5W	Ø108	Ø90	AST/ASV	187.000	AS3M	243.000
ASA/110/6.5	6.5W	Ø129	Ø110	AST/ASV	231.000	AS3M	299.000
ASA/110/7	7W	Ø129	Ø110	AST/ASV	238.800	AS3M	308.000
ASA/110/8	8W	Ø129	Ø110	AST/ASV	285.000	AS3M	370.000
ASA/125/8	8W	Ø144	Ø125	AST/ASV	299.000	AS3M	389.000
ASA/125/9	9W	Ø144	Ø125	AST/ASV	313.000	AS3M	416.000
ASA/125/10	10W	Ø144	Ø125	AST/ASV	328.000	AS3M	442.000

Đèn thân nhôm có viền mạ c-rôm - Lamp aluminium casing with chrome ring

ASC/90/5	5W	Ø108	Ø90	AST/ASV	187.000	AS3M	243.000
ASC/110/6.5	6.5W	Ø129	Ø110	AST/ASV	231.000	AS3M	299.000
ASC/110/7	7W	Ø129	Ø110	AST/ASV	238.800	AS3M	308.000
ASC/110/8	8W	Ø129	Ø110	AST/ASV	285.000	AS3M	370.000
ASC/125/8	8W	Ø144	Ø125	AST/ASV	299.000	AS3M	389.000
ASC/125/9	9W	Ø144	Ø125	AST/ASV	313.000	AS3M	416.000
ASC/125/10	10W	Ø144	Ø125	AST/ASV	328.000	AS3M	442.000

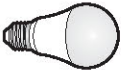
Đèn Downlight LED - Chiếu Sâu - LED Downlights - Spot Light


Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ cắt Cutout (d)	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	Màu ánh sáng Light Color	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ZH/XA/76/4	4W	Ø93	Ø76	AST/ASV	100.000		
ZH/XA/76/5	5W	Ø93	Ø76	AST/ASV	106.000		
ZH/XA/90/5	5W	Ø120	Ø90	AST/ASV	120.000	AS3M	138.000
ZH/XA/90/6	6W	Ø120	Ø90	AST/ASV	128.000	AS3M	150.000
ZH/XA/90/7	7W	Ø120	Ø90	AST/ASV	138.000	AS3M	158.000
ZH/XA/90/8	8W	Ø120	Ø90	AST/ASV	155.000	AS3M	200.000
ZH/XA/90/9	9W	Ø120	Ø90	AST/ASV	162.000	AS3M	208.000
ZH/XA/110/7	7W	Ø140	Ø110	AST/ASV	163.000	AS3M	226.000
ZH/XA/110/8	8W	Ø140	Ø110	AST/ASV	168.000	AS3M	233.000
ZH/XA/110/9	9W	Ø140	Ø110	AST/ASV	173.000	AS3M	240.000
ZH/XA/110/10	10W	Ø140	Ø110	AST/ASV	178.000	AS3M	250.000
ZH/XA/110/12	12W	Ø140	Ø110	AST/ASV	200.000	AS3M	300.000
ZH/XA/125/12	12W	Ø145	Ø125	AST/ASV	205.000	AS3M	308.000
ZH/XA/125/15	15W	Ø145	Ø125	AST/ASV	210.000	AS3M	310.000
ZH/XA/125/18	18W	Ø145	Ø125	AST/ASV	270.000	AS3M	405.000
ZH/XA/140/15	15W	Ø170	Ø140	AST/ASV	235.000	AS3M	375.000
ZH/XA/140/18	18W	Ø170	Ø140	AST/ASV	268.000	AS3M	450.000

Để đặt màu ánh sáng đèn thêm đuôi vào mã đặt hàng như sau:

Ánh sáng trắng = **AST**; Ánh sáng vàng = **ASV**; Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**. Ví dụ: **ZH/XA/120/6/ASV**

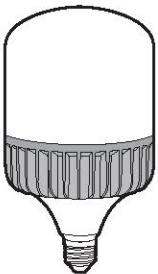
BÓNG ĐÈN LED
LED LAMP

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	LED50/2W	2W	Ø50	AST/ASV	29.000
	LED50/3W	3W	Ø50	AST/ASV	32.000
	LED55/5W	5W	Ø55	AST/ASV	42.000

BÓNG ĐÈN LED THÂN NHÔM
LED LAMP - ALUMINUM HOUSING

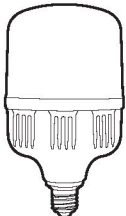
Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	LED60/TN/7W	7W	Ø60	AST/ASV	55.000
	LED65/TN/9W	9W	Ø65	AST/ASV	62.000
	LED70/TN/11W	11W	Ø70	AST/ASV	72.000

BÓNG ĐÈN LED TRỤ MEGAMAX
MEGAMAX LED LAMP

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	LEDC65/12W	12W	Ø65	AST/ASV	70.000
	LEDC65/15W	15W	Ø65	AST/ASV	88.000
	LEDC80/20W	20W	Ø80	AST/ASV	128.000
	LEDC100/30W	30W	Ø100	AST/ASV	186.000
	LEDC118/40W	40W	Ø118	AST/ASV	228.000
	LEDC135/50W	50W	Ø135	AST/ASV	306.000
	LEDC150/60W	60W	Ø150	AST/ASV	390.000
	LEDC150/80W	80W	Ø150	AST/ASV	469.000
	LEDC150/100W	100W	Ø150	AST/ASV	539.000

Để đặt màu ánh sáng bóng thêm đuôi vào mã đặt hàng như sau:
 Ánh sáng trắng = **AST**; Ánh sáng vàng = **ASV**. Ví dụ: **LED70/11W/ASV**

BÓNG ĐÈN LED TRỤ MEGA-T
MEGA-T LED LAMP

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	LEDD70/15W	15W	Ø70	AST/ASV	79.000
	LEDD80/20W	20W	Ø80	AST/ASV	115.000
	LEDD100/30W	30W	Ø100	AST/ASV	167.000
	LEDD120/50W	40W	Ø120	AST/ASV	205.000
	LEDD140/50W	50W	Ø140	AST/ASV	275.000

BÓNG ĐÈN LED TUYẾT
LED TUBE LAMP

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Độ dài bóng Length (m)	Màu ánh sáng Light color	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	LDT6/9W	9W	0.6	AST/ASV	126.000
	LDT12/18W	18W	1.2	AST/ASV	182.000



Để đặt màu ánh sáng bóng thêm đuôi vào mã đặt hàng như sau: Ánh sáng trắng =AST; Ánh sáng vàng = ASV. Ví dụ: LED70B/15W/AST